

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 19 - 11 - 2024

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi
con chung, chia tài sản chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thơ

Ông Võ Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang
Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:
56/2024/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi
con chung, chia tài sản chung”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 201/2024/HNGĐ-ST ngày 24
tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 421/2024/QĐ-PT ngày
10 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Bé T, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T1, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn – Nguyễn Minh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn – chị Phạm Thị Bé T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh T1 do quen biết nên tiến tới hôn nhân vào năm
1998, hôn nhân xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban
nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc
nhưng kể từ năm 2016 đến nay, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh
T1 có hành vi bạo hành làm ảnh hưởng đến tâm lý của chị và các con. Hai bên

đã ly thân từ tháng 6/2023 đến nay không hàn gắn đoàn tụ được. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không mong muốn hàn gắn, đoàn tụ nên chị yêu cầu ly hôn với anh T1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Yến L, sinh ngày 04/5/2001 và Nguyễn Phạm Minh T2, sinh ngày 31/10/2016. Hiện cháu L đã thành niên và tự lao động được. Đối với cháu T2, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn - anh Nguyễn Minh T1 trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về việc vợ chồng cưới nhau năm 1998, có đăng ký kết hôn. Theo anh, mâu thuẫn vợ chồng không có gì nghiêm trọng, anh còn thương vợ, con nên mong muốn hàn gắn đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: do không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 201/2024/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ các Điều 28, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Bé T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Bé T ly hôn với anh Nguyễn Minh T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Minh T2, sinh ngày 31/10/2016 cho chị Phạm Thị Bé T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Nguyễn Minh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Minh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Phạm Thị Bé T.

4. Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

- Ngày 26 tháng 7 năm 2024, bị đơn Nguyễn Minh T1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn.

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giao cháu Nguyễn Phạm Minh T2, sinh ngày 31/10/2016 cho anh Nguyễn Minh T1 chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Minh T1 còn trong thời hạn quy định nên được hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Chị Phạm Thị Bé T có đơn xin vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định.

[3]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

- Về hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T cho rằng từ năm 2016 đến nay giữa chị và anh T1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh T1 có hành vi bạo lực gia đình, làm ảnh hưởng đến tâm lý của chị và các con, ngoài ra anh T1 còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2023 đến nay, chị T nhiều lần tạo cơ hội hàn gắn nhưng anh T1 không thay đổi, vì vậy chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Tại phiên tòa, mặc dù anh T1 không thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn như chị T trình bày nhưng anh T1 xác định từ sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án cho đến nay thì chị T bỏ nhà đi đâu anh không rõ, bản thân anh cũng không đưa ra được giải pháp hợp lý để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh T1 và chị T là có thật và đã trở nên trầm trọng không có khả năng hàn gắn, thời gian sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp pháp luật. Anh T1 kháng cáo không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Minh T1 về hôn nhân.

- Về con chung: Tại phiên tòa anh T1 trình bày sau khi xét xử sơ thẩm thì chị T đã bỏ nhà đi, bỏ lại cháu T2 cho anh T1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T1 làm nghề xây dựng, có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi cháu T2 mà không cần chị T cấp dưỡng. Lời trình bày nêu trên của anh T1 phù hợp với lời trình bày của cháu T2 tại biên bản lấy lời khai ngày 28/10/2024 của Tòa án có nội dung: hiện cháu T2 đang sống với cha, còn mẹ đang sống ở đâu thì cháu không biết, cha cháu là người đưa đón cháu đi học, nếu cha mẹ cháu ly hôn thì cháu muốn sống với cha. Đây là tình tiết mới phát sinh tại giai đoạn xét xử phúc

thẩm, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T1 về việc tranh chấp nuôi con, giao con chung của anh chị là cháu Nguyễn Phạm Minh T2, sinh ngày 31/10/2016 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời ghi nhận việc anh T1 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngoài ra, qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, hội đồng xét xử nhận thấy bản án sơ thẩm không áp dụng các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình khi giải quyết tranh chấp nuôi con chung và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự khi đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có thiếu sót nên cấp phúc thẩm cần bổ sung cho đầy đủ.

Từ những nhận định như đã nêu trên, hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Minh T1, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do sửa án nên anh T1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309; khoản 2 Điều 244; khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1/- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Minh T1.

Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 201/2024/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 26, 27 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Bé T.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Bé T ly hôn anh Nguyễn Minh T1.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Minh T2, sinh ngày 31/10/2016 cho anh Nguyễn Minh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc anh Nguyễn Minh T1 không yêu cầu chị Phạm Thị Bé T cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phạm Thị Bé T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

1.3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Phạm Thị Bé T.

1. 4. Về nợ chung: Không có.

2/- Về án phí: Chị Phạm Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015492 ngày 12/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Hoàn trả cho chị Phạm Thị Bé T 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015493 ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Hoàn trả cho anh Nguyễn Minh T1 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0015653 ngày 26/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND Huyện C;
- CCTHADS Huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn (Thẩm)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy

